

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam.

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng giá gói thầu. Để có cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho các gói thầu Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh đang có nhu cầu với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh, địa chỉ: Phố Hải Phúc, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ds. Đào Hồng Quang – Thư ký tổ CGXDĐH&LCNT. Số điện thoại: 0972.176.288. Email tiếp nhận báo giá: dauthau.quangninhcdc@gmail.com.

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp: Văn bản giấy được ký, đóng dấu hợp pháp gửi qua đường công văn về Tổ CGXDĐH&LCNT Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh, địa chỉ: Phố Hải Phúc, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Nhận qua email: 01 bản scan và 01 bản excel gửi về email dauthau.quangninhcdc@gmail.com.

3. Thời gian tiếp nhận báo giá:

- Từ 09h00 ngày 06/05/2026 đến trước 09h00 phút ngày 16/05/2026.

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 16/05/2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục vật tư, hóa chất, sinh phẩm....(Chi tiết danh mục và số lượng theo phụ lục đính kèm).

2. Địa điểm cung cấp: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh, địa chỉ: Phố Hải Phúc, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến:

Đề nghị Quý nhà thầu quan tâm, ghi cụ thể thời gian cung cấp được hàng hoá, vật tư sinh phẩm.... sau khi có kết quả lựa chọn nhà thầu tối đa bao nhiêu ngày.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Tạm ứng: Không áp dụng.

- Thanh toán: Bên mua thanh toán một lần 100% hoặc theo từng đợt gọi hàng giá trị thực hiện hợp đồng cho bên bán sau khi hai bên ký kết biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng.

- Các thông tin khác (nếu có).

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh rất mong nhận được phản hồi thông tin từ quý công ty.

Trân trọng cảm ơn./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Y tế Quảng Ninh (để đăng tải);
- Phòng TCHC (để đăng tải);
- Lưu: VT, Tổ CGXDKH&LCNT

Vũ Quyết Thắng

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HOÁ

(Kèm theo công văn số: 812/TKSBT-TCGXDKH&LCNT ngày 06/05/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên hàng hóa	Nội dung	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
I	Vật tư hoá chất phục vụ xét nghiệm các chỉ tiêu vi sinh trong kiểm tra giám sát công tác giám sát chất lượng nước (145 mẫu) và xét nghiệm ngộ độc thực phẩm (200 mẫu)				
1	Thạch XN colifom, ecoli bằng phương pháp lọc	Môi trường hiện màu Chromocult, Độ hòa tan: 26.5 g/l	500g/Chai	Chai	1
2	Thuốc thử Bactident Oxidase	N,N,N',N' Tetramethyl-p phenylenediamine dihydrochloride	500g/hộp	Hộp	1
3	Môi trường Pepton đậm (Buffered Peptone Water)	Môi trường nuôi cấy Thành phần Peptone 10.0 g/l Sodium chloride 5.0 g/l Disodium phosphate 3.5 g/l Potassium dihydrogen phosphate 1.5 g/l pH 7.2 ± 0.2 ở 25°C	500g/Chai	Chai	1
4	Môi trường Peptone from casein (Tryptone)	Thành phần Peptone từ casein (tryptone) Thành phần công thức: Total Nitrogen 13.3% Amino Nitrogen 3.7% Sodium chloride 0.4% pH (2% solution) 7.3± 0.2	500g/Chai	Chai	1
5	Thạch SS agar	Môi trường thành phần tổng hợp: `Lab-Lemco` powder 5.0 g/L Peptone 5.0 g/L Lactose 10.0 g/L Bile salts 8.5 g/L Sodium citrate 10.0 g/L Sodium thiosulphate 8.5 g/L Ferric citrate 1.0 g/L Brilliant green 0.00033 g/L Neutral red 0.025 g/L Agar 15.0 g/L pH 7.0 ± 0.2 ở 25°C	500g/Chai	Chai	1
6	Thạch Nutrient agar	Môi trường thành phần tổng hợp: `Lab-Lemco` powder 1.0 g/L Yeast extract 2.0 g/L Peptone 5.0 g/L Sodium chloride 5.0 g/L Agar 15.0 g/L pH 7.4 ± 0.2 ở 25°C	500g/Chai	Chai	1
7	Thạch Baird-Parker base	Môi trường thành phần tổng hợp: Tryptone 10.0 g/L `Lab-Lemco` powder 5.0 g/L Yeast extract 1.0 g/L Sodium pyruvate 10.0 g/L Glycine 12.0 g/L Lithium chloride 5.0 g/L Agar 20.0 g/L pH 6.8 ± 0.2 ở 25°C	500g/Chai	Chai	1
8	Lòng đỏ trứng có Tellurite (Egg yolk tellurite emulsion)	Thành phần gồm Sterile Egg-Yolk 200ml/l; NaCl 4.25 g/l; Potassium tellurite 2.1 g/l	500g/Chai	Chai	1

STT	Tên hàng hóa	Nội dung	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
9	Thuốc thử coagulase	Huyết tương thử được sử dụng để phát hiện enzyme coagulase của vi khuẩn tụ cầu, nhận biết bằng hiện tượng tạo kết tủa	10 lọ/Hộp	Lọ	10
10	Máu Cừu khử sợi huyết (Sheep Blood Defibrinated)	Máu cừu đã được tách sợi huyết, đã được kiểm tra vô khuẩn. Tỷ lệ hồng cầu cừu: 50-60%	100 ml/Chai	Chai	6
11	Canh thang Brila BRILA (Brilliant-green bile Lactose) broth	Môi trường thành phần tổng hợp: Peptone 10.0 g/L Lactose 10.0 g/L Ox bile (purified) 20.0 g/L Brilliant green 0.0133 g/L pH 7.4 ± 0.2 ở 25°C	500g/Chai	Chai	1
12	Thạch TCBS	Môi trường thành phần tổng hợp: Yeast extract 5.0 g/L Bacteriological peptone 10.0 g/L Sodium thiosulphate 10.0 g/L Sodium citrate 10.0 g/L Ox Bile 8.0 g/L Sucrose 20.0 g/L Sodium chloride 10.0g/L Ferric citrate 1.0 g/L Bromothymol blue 0.04 g/L Thymol blue 0.04 g/L Agar 14.0 g/L pH 8.6 ± 0.2 ở 25°C	500g/Chai	Chai	1
13	Thạch King's B (King's B agar base)	Thành phần Proteose peptone 20.0; magnesium sulfate 1.5; tri-potassium phosphate 3-hydrate 1.8; agar-agar 10.0.	500g/Chai	Chai	1
14	Canh thang Acetamid (Acetamid broth)	Môi trường nuôi cấy PH: 7,0 ± 0,2 (H ₂ O, 25 °C)	500G/Hộp	Hộp	1
15	Màng lọc 0.45µm (Filter Cellulose Nitrate)	Kích thước màng lọc: Ø47mm Chất liệu: Cellulose Nitrate (CN; Cellulose Mixed Ester) Kích thước lỗ lọc: 0.45 µm	100 cái/hộp	Hộp	5

STT	Tên hàng hóa	Nội dung	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
16	Màng lọc 0.20 μ m (Filter Cellulose Nitrate)	Kích thước màng lọc: Ø 47mm Chất liệu: Cellulose Nitrate (CN; Cellulose Mixed Ester) Kích thước lỗ lọc: 0.22 μ m	100 cái/hộp	Hộp	2
17	Bộ ống test định danh sinh hóa vi khuẩn	Gồm 4 ống: Kliggler Iron Agar (KIA), Mannitol Salt Agar (Manit di động), Motility Indole Urease (Ure-indole); Lysin decarboxylase (LDC)	Bộ	Bộ	70
18	Môi trường bổ sung Pseudomonas CN Selective supplement	Thành phần mỗi vial gồm Cetrimide 0.1g; Nalidixic acid 0.0075 g	10 vials/hộp	Hộp	1
19	Canh thang BHI Brain-heart infusion broth	Môi trường thành phần tổng hợp: Brain infusion solids 12.5 g/L Beef heart infusion solids 5.0 g/L Proteose peptone 10.0 g/L Glucose 2.0 g/L Sodium chloride 5.0 g/L Disodium phosphate 2.5 g/L pH 7.4 \pm 0.2 ở 25°C	500g/Chai	Chai	1
20	Thuốc thử Nessler	Công thức hóa học là K ₂ HgI ₄ Khối lượng riêng: 1,16 g/cm ³ ở 20 °C	500g/Chai	Chai	1
21	Thạch XLD (Xylose Lysine Deoxycholate) agar	Môi trường thành phần tổng hợp: Yeast extract 3.0 g/L L-Lysine HCl 5.0 g/L Xylose 3.75 g/L Lactose 7.5 g/L Sucrose 7.5 g/L Sodium desoxycholate 1.0 g/L Sodium chloride 5.0 g/L Sodium thiosulphate 6.8 g/L Ferric ammonium citrate 0.8 g/L Phenol red 0.08 g/L Agar 12.5 g/L pH 7.4 \pm 0.2 ở 25°C	500g/Chai	Chai	1

STT	Tên hàng hóa	Nội dung	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
22	Hoá chất Sodium hydrogen selenite	Công thức tuyến tính: NaHSeO ₃ Sử dụng bổ sung vào thành phần môi trường Selenite Broth Base, Mannitol Selenite Broth Base, hoặc Selenite Cystine Broth Base trong thử nghiệm nuôi cấy vi khuẩn Salmonella	500g/Chai	Chai	1
23	Canh thang MKTTN MULLER-KAUFFMANN TETRATHIONATE-NOVOBIOCIN BROTH (MKTTn) base	Môi trường thành phần tổng hợp: Meat extract 4.3 g/L Enzymatic digest of casein 8.6 g/L Sodium chloride 2.6 g/L Calcium carbonate 38.7 g/L Sodium thiosulphate (anhydrous) 30.5 g/L Ox bile 4.78 g/L Brilliant green 0.0096 g/L pH 8.0 ± 0.2 ở 25°C Tỷ lệ bổ sung selective supplement cho 1 lit môi trường: 4 vials Novobiocin 10mg. Bộ sản phẩm cung cấp tiêu chuẩn gồm: 1 chai MKTTn Broth Base (ISO) 500g + 30 vials Novobiocin 10mg	500g/Chai	Chai	1
24	Hoá chất Potassium Iodide	Độ tan: 1.430 g/l ở 25 °C Giá trị pH: 6,9 ở độ tan 50g/l ở điều kiện 20°C	500g/Chai	Chai	1
25	Hoá chất Iodine	Độ tan: 0.3 g/l, Giá trị pH: 5.4	500g/Chai	Chai	1
26	Canh thang RVS RAPPAPORT - VASSILIADIS-Soya broth(base)	Môi trường thành phần tổng hợp: Soya peptone 5.0 g/1110ml Sodium chloride 8.0 g/1110ml Potassium dihydrogen phosphate 1.6 g/ 1110ml Magnesium chloride 6H ₂ O 40.0 g/1110ml Malachite green 0.04 g/1110ml pH 5.2 ± 0.2 ở 25°C	500g/Chai	Chai	1
27	Canh thang Lauryl Sulfate Broth	Môi trường thành phần tổng hợp: Tryptose 20.0 g/L Lactose 5.0 g/L Sodium chloride 5.0 g/L Dipotassium hydrogen phosphate 2.75 g/L Potassium dihydrogen phosphate 2.75 g/L Sodium lauryl sulphate 0.1 g/L pH 6.8 ± 0.2 ở 25°C	500g/Chai	Chai	2
28	Thạch Macconkey	Được sử dụng để: phân lập coliform và mầm bệnh đường ruột trong nước, các sản phẩm sữa và mẫu sinh học Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan	500G/Chai	Chai	1

STT	Tên hàng hóa	Nội dung	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		Môi trường thành phần tổng hợp: Peptone 20.0 g/L Lactose 10.0 g/L Bile salts 5.0 g/L Sodium chloride 5.0 g/L Neutral red 0.075 g/L Agar 12.0 g/L pH 7.4 ± 0.2			
29	Thạch Endo: 500	Thành phần: Môi trường thành phần tổng hợp: Peptone 10.0 g/L Lactose 10.0 g/L Di-potassium phosphate 3.5 g/L Sodium sulphite 2.5 g/L Agar 10.0 g/L pH 7.5 ± 0.2 ở 25°C Tỷ lệ bổ sung selective supplement cho 1 lit môi trường: 6ml dung dịch Fuchsin 10% BR0050 Bộ sản phẩm cung cấp tiêu chuẩn gồm: chai Endo Agar Base 500g + lọ 10g Basic Fuchsin -Technical Dye (10g)	500g/Chai	Chai	1
30	Muối NaCl	Muối NaCl, được sử dụng làm thành phần bổ sung trong môi trường nuôi cấy vi khuẩn Hóa chất dạng bột mịn, tinh khiết màu trắng dễ hòa tan Độ tinh khiết tối thiểu 99,5% Dung dịch nồng độ 10% có màu trong suốt, không có cặn đục	500g/Chai	Chai	1
31	Cao thịt	Là chiết xuất từ thịt bò, được điều chỉnh về độ trung tính và sấy khô thành bột mịn, giúp tăng cường sự phát triển của nhiều loại vi khuẩn sử dụng bổ sung vào môi trường nuôi cấy vi khuẩn Môi trường dạng bột mịn màu vàng rom nhạt, dễ hòa tan Thường được sử dụng ở nồng độ 0,2 - 1,0% (w/v) tùy thuộc vào yêu cầu môi trường pH (25°C) (dung dịch nồng độ 2%) 7.2 ± 0.2 khối lượng hao hụt khi sấy ≤ 7,5%	500g/Chai	Chai	1
32	Thạch bột agar	Môi trường dạng bột mịn màu trắng tới vàng rom, dễ hòa tan pH (25°C) 6.0-7.5 Khối lượng hao hụt khi sấy: <10%Ca ≤ 325ppm	500g/Chai	Chai	1

STT	Tên hàng hóa	Nội dung	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		Mg ≤ 140ppm Thành phẩm dạng gel trong suốt, đặc, thu được ở mức 1,5% w/v.			
33	Thạch EC	Môi trường thành phần tổng hợp: Tryptone 20 g/L Lactose 5.0 g/L Bile salts No. 3 1.5 g/L Di-potassium phosphate 4.0 g/L Mono-potassium phosphate 1.5 g/L Sodium chloride 5.0 g/L pH 6.9 ± 0.2 ở 25°C	500g/Chai	Chai	1
34	Thuốc thử KOVACS: 100ml	Thành phần điển hình: n-Butanol; axit hydrochloric; 4-dimethylaminobenzaldehyd. Giá trị pH: <1 (H ₂ O, 20 °C) Mật độ: 0,92 g/cm ³ (20 °C) Điểm cháy: 36 °C	100 ml/ Chai	Chai	1
35	Thạch TBX	Được sử dụng để: phát hiện và định lượng Escherichia coli trong thực phẩm và thức ăn chăn nuôi theo tiêu chuẩn ISO 11133:2014. Môi trường dạng bột mịn, dễ hòa tan Môi trường thành phần tổng hợp: Tryptone 20.0 g/L Bile Salts No.3 1.5 g/L Agar 15.0 g/L X-glucuronide 0.075 g/L pH 7.2 ± 0.2 @ 25°C	500g/Chai	Chai	1
36	Kháng huyết thanh E.coli đa giá Polivalent 1	Kháng huyết thanh đa giá dùng để định type huyết thanh Escherichia coli Group O Polyvalent 1: bao gồm O1, O26, O86a, O111, O119, O127a, O128 Polivalent 1	Lọ 2ml	Lọ	1
37	Kháng huyết thanh E.coli đa giá Polivalent 2	Kháng huyết thanh đa giá dùng để định type huyết thanh Escherichia coli Group O Polyvalent 2: bao gồm O44, O55, O125, O126, O146, O166	Lọ 2ml	Lọ	1
38	Kháng huyết thanh E.coli đa giá Polivalent 3	Kháng huyết thanh đa giá dùng để định type huyết thanh Escherichia coli Group O Polyvalent 3: bao gồm O18, O114, O142, O151, O157, O158	Lọ 2ml	Lọ	1
39	Kháng huyết thanh E.coli đa giá Polivalent 4	Kháng huyết thanh E.coli đa giá Polivalent 4 Polyvalent 4: bao gồm O6, O27, O78, O148, O159, O168	Lọ 2ml	Lọ	1

STT	Tên hàng hóa	Nội dung	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
40	Kháng huyết thanh Salmonella đa giá nhóm T	Đề định danh Salmonella O42.	Lọ 2ml	Lọ	1
41	Kháng huyết thanh Salmonella đa giá nhóm A	Đề định danh Salmonella O2	Lọ 2ml	Lọ	1
42	Kháng huyết thanh Salmonella đa giá nhóm B	Đề định danh Salmonella O4	Lọ 2ml	Lọ	1
43	Kháng huyết thanh Salmonella đa giá nhóm C	Đề định danh Salmonella O7	Lọ 2ml	Lọ	1
44	Kháng huyết thanh Salmonella đa giá nhóm Vi	Đề định danh Salmonella nhóm Vi.	Lọ 2ml	Lọ	1
45	Kháng huyết thanh Salmonella đa giá nhóm D	Đề định danh Salmonella O9.	Lọ 2ml	Lọ	1
46	Kháng huyết thanh Shigella đa giá A1	- Kháng huyết thanh đa giá dùng để định type huyết thanh Shigella dysenteriae. Polyvalent A1: bao gồm S. dysenteriae type 8, 9, 10, 11, 12	Lọ 2ml	Lọ	1
47	Kháng huyết thanh Shigella đa giá nhóm B	Shigella As flexneri polyB '- Kháng huyết thanh đa giá dùng để định type huyết thanh Shigella flexneri Polyvalent B: bao gồm S. flexneri type I, II, III, IV, V, VI và group (3)4, 6 và 7(8)	Lọ 2ml	Lọ	1
48	Kháng huyết thanh Shigella đa giá nhóm C	Shigella As boydii poly C1 '- Kháng huyết thanh đa giá dùng để định type huyết thanh Shigella boydii Polyvalent C1: bao gồm S. boydii type 8, 9, 10, 11	Lọ 2ml	Lọ	1
49	Kháng huyết thanh Shigella đa giá nhóm C	Shigella As boydii poly C3 '- Kháng huyết thanh đa giá dùng để định type huyết thanh Shigella boydii Polyvalent C3: bao gồm S. boydii type 16, 17, 18	Lọ 2ml	Lọ	1
50	Kháng huyết thanh Shigella đa giá nhóm C	Shigella As boydii poly C '- Kháng huyết thanh đa giá dùng để định type huyết thanh Shigella boydii Polyvalent C: bao gồm S. boydii type 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7	Lọ 2ml	Lọ	1
51	Kháng huyết thanh Shigella đa giá nhóm C	Shigella As boydii poly C2 '- Kháng huyết thanh đa giá dùng để định type huyết thanh Shigella boydii Polyvalent C2: bao gồm S. boydii type 12, 13, 14, 15	Lọ 2ml	Lọ	1
52	Kháng huyết thanh Shigella đa giá nhóm D	Kháng huyết thanh đa giá dùng để định type huyết thanh Shigella sonnie. Polyvalent D: bao gồm S. Sonnie phase I và II	Lọ 2ml	Lọ	1
53	Kháng huyết thanh V.cholerae đa giá O1	Kháng huyết thanh đa giá dùng để định type huyết thanh V. Cholerae Ogawa và Inaba	Lọ 2ml	Lọ	1

STT	Tên hàng hóa	Nội dung	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
54	Kháng huyết thanh V.cholerae đa giá O139	Kháng huyết thanh đa giá dùng để định type huyết thanh V. Cholerae O139" Bengal"	Lọ 2ml	Lọ	1
55	Kháng huyết thanh V.cholerae đơn giá Ogawa	Kháng huyết thanh đơn giá dùng để định type huyết thanh V. Cholerae Ogawa	Lọ 2ml	Lọ	1
56	Kháng huyết thanh V.cholerae đơn giá Inaba	Kháng huyết thanh đơn giá dùng để định type huyết thanh V. Cholerae Inaba	Lọ 2ml	Lọ	1
57	Que cấy vi sinh 10ul	Que cấy 10ul bằng nhựa, tiết trùng Được sử dụng để lấy, chuyển và cấy vi khuẩn, vi sinh vật từ môi trường này sang môi trường khác trong các xét nghiệm vi sinh, chẩn đoán invitro (IVD) và nghiên cứu sinh học.	250 cái/ túi	Túi	1
58	Túi dập mẫu có lọc	Thể tích trộn tối đa: 400 mL Thể tích trộn tối ưu: 50 – 300 mL Thể tích tối ưu để hút pipet: 250 mL Tiêu chuẩn áp dụng: ISO 7218 FDA BAM (Sổ tay phân tích vi sinh – Bacteriological Analytical Manual) Kích thước túi: 190 x 300 mm	500 cái/ hộp	Hộp	1
59	Túi dập mẫu không lọc	Thể tích trộn tối đa: 400 mL Thể tích trộn tối ưu: 50 – 300 mL Kích thước túi: 175 x 300 mm	500 cái/ hộp	Hộp	1
II	Dịch vụ cung cấp Sinh phẩm, hóa chất vật tư phục vụ PCD bệnh dịch chung				
60	Kit tách chiết DNA tự động	- Mục đích sử dụng: Để tinh lọc DNA từ máu toàn huyết tương, huyết thanh, buffy coat, tế bào lympho, đốm máu khô, dịch cơ thể, tế bào nuôi cấy, tăm bông và mô - Thành phần: Cột ly tâm: 250 chiếc Ống thu mẫu (2 mL): 750 chiếc Dung dịch đệm ATL: 50 mL Dung dịch đệm AL: 2 x 33 mL Dung dịch đệm AW1: 98 mL Dung dịch đệm AW2: 66 mL Dung dịch đệm AE: 128 mL Proteinase K: 6 mL	250 test/ hộp	Hộp	2

STT	Tên hàng hóa	Nội dung	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
61	Kit tách chiết RNA tự động	Mục đích sử dụng: Để tách chiết RNA vi rút từ huyết tương, huyết thanh, dịch cơ thể không có tế bào và chất nổi trên bề mặt nuôi cấy - Thành phần: Cột lọc: 250 chiếc Ống thu hồi 2ml: 750 chiếc Đệm AVL: 155 ml Đệm AW1: 98 ml Đệm AW2: 66 ml Đệm AVE: 20 ml Carrier RNA (poly A): 1550 µg	250 test/hộp	Hộp	2
62	Sinh phẩm xét nghiệm virus cúm A, B dùng cho máy PCR	- Bộ kit real-time PCR phát hiện đồng thời các tác nhân: Influenza A virus, Influenza B virus, RSV A, RSV B, Flu A-H1, Flu A-H1 pdm09, Flu A-H3 - Loại mẫu bệnh phẩm: Dịch ngoáy ty hầu, Dịch hút ty hầu, Dịch rửa phế quản	100 test/hộp	Hộp	3
63	Kit Realtime phát hiện Ho gà.	Bộ Kit sử dụng nguyên lý realtime PCR phát hiện và phân biệt B. pertussis và B. parapertussis dựa trên sự khuếch đại đặc hiệu trình tự đa bản sao IS1002 và đo sự tăng tín hiệu huỳnh quang tương ứng trên kênh màu huỳnh quang FAM/Cy5. Bộ xét nghiệm bao gồm kiểm soát nội bộ (IS), được phát hiện trên kênh màu huỳnh quang HEX, sử dụng như một đối chứng kiểm soát cả khả năng ức chế PCR và hiệu quả tinh sạch nucleic acid. Bộ xét nghiệm là công cụ chẩn đoán được cấp chứng nhận CE cho trang thiết bị chẩn đoán lâm sàng.	100 test/hộp	Hộp	2
64	Bộ sinh phẩm ELISA phát hiện IgM Measles virus	Định tính để phát hiện các kháng thể IgM của người trong huyết thanh hoặc huyết tương nhằm chống lại Virus sởi. Được khuyến dùng cho việc xác định các bệnh nhiễm trùng cấp tính.	96 test/hộp	Hộp	3
65	Bộ sinh phẩm ELISA phát hiện IgM Dengue virus	Định lượng và định tính để phát hiện các kháng thể ở huyết thanh hoặc huyết tương chống lại vi rút Dengue (DEN 1-4). Chúng được khuyến cáo để chẩn đoán nhiễm vi rút Dengue với tất cả các kiểu huyết thanh và nghiên cứu dịch tễ học.	96 test/hộp	Hộp	2
66	Bộ sinh phẩm ELISA phát hiện IgM Viêm não Nhật Bản B	Xét nghiệm này phát hiện các kháng thể IgM trong huyết thanh người kháng với kháng nguyên tái tổ hợp được dẫn xuất từ JEV (JERA). Bộ xét nghiệm này để hỗ trợ trong việc chẩn đoán người nhiễm virus viêm não Nhật Bản (JEV).	96 test/hộp	Hộp	1
67	Sinh phẩm phát hiện Vi rút đường ruột	- Kỹ thuật: Real-time PCR - Phương pháp phân tích: định tính và định lượng	25 test/Bộ	Bộ	1

STT	Tên hàng hóa	Nội dung	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		<ul style="list-style-type: none"> - Trình tự gen đích: 5' UTR RNA - Đặc hiệu với Enterovirus A-D - Tính đặc hiệu: 100% với Enterovirus - Ngưỡng phát hiện ≥ 0.57 cp/ul (LOD với xác suất 95%) - Sử dụng được với mẫu phết, mẫu phân, dịch não tủy - Chứng nhận: CE IVD 			
68	Môi trường vận chuyển và que lấy mẫu	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu hình: thân ống, nắp vặn, môi trường vận chuyển, tăm bông lấy dịch ty hầu (hoặc hầu họng) - Chỉ định: Thu thập, bảo quản và vận chuyển các mẫu vi rút ở mũi họng, hầu họng ở người - Mô tả: Ống 16mm x 100mm, tự đứng, nắp vặn, chất liệu PP. Ống 10ml, chứa 3ml dung dịch bất hoạt hoặc không bất hoạt 	Bộ	Bộ	500
69	Bộ kit phát hiện Salmonella species bằng Realtime PCR	<p>Mục tiêu: Salmonella spp. Loại mẫu: DNA sau tách chiết Thẻ tích mẫu đầu vào: 200 μL Thẻ tích DNA: 5 μL Kênh màu phát hiện: - FAM: phát hiện Salmonella spp. - HEX: chứng nội</p> <p>Công nghệ: TaqMan probe Độ đặc hiệu: Kit chỉ phát hiện Salmonella spp. Thành phần: Sal qPCR mix, Chứng âm, Chứng dương, Chứng nội (IC), Tube PCR</p>	50 test/hộp	Hộp	2
70	Bộ kit phát hiện E. coli O157:H7 bằng Realtime PCR	<p>Mục tiêu: Escherichia coli O157 Loại mẫu: DNA sau tách chiết Thẻ tích DNA: 5 μL Kênh màu phát hiện: - FAM: phát hiện Escherichia coli O157 - HEX: phát hiện chứng nội</p> <p>Công nghệ: TaqMan probe Độ đặc hiệu: Kit chỉ phát hiện Escherichia coli O157 Thành phần: E.coli O157 qPCR mix, chứng âm, chứng dương, chứng nội, PCR tube</p>	50 test/hộp	Hộp	2
71	Bộ kit phát hiện Vibrio cholerae, V	<ul style="list-style-type: none"> Thẻ tích mẫu tách chiết: 200μL hoặc 200mg Thẻ tích mẫu đầu vào cho PCR: 10μL 	50 test/hộp	Hộp	2

STT	Tên hàng hóa	Nội dung	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
	parahaemolyticus và V. vulnificus bằng Realtime PCR	Loại mẫu: Mẫu phân/ mẫu phết trực tràng Độ nhạy phân tích: 25 copies/phản ứng Đặc hiệu phân tích: Kit chỉ phát hiện Vibrio parahaemolyticus Công nghệ: TaqMan Probe Kênh màu huỳnh quang: - TexasRed: Vibrio parahaemolyticus - HEX: Internal control			
72		Thể tích mẫu tách chiết: 200 μ L Thể tích mẫu đầu vào cho PCR: 10 μ L Loại mẫu: Mẫu mô, dịch mủ hoặc mẫu máu Độ nhạy phân tích: 5 copies/phản ứng Đặc hiệu phân tích: Kit chỉ phát hiện Vibrio vulnificus Công nghệ: TaqMan Probe Kênh màu huỳnh quang - FAM: gene vvhA của Vibrio vulnificus - HEX: Internal control	50 test/ hộp		2
73	Bộ kit phát hiện Staphylococcus aureus bằng Realtime PCR	Mục tiêu: phát hiện Staphylococcus aureus Loại mẫu đầu vào: DNA sau tách chiết từ mẫu thực phẩm Thể tích mẫu đầu vào: 5 μ L Phát hiện: - Kênh màu CY5: phát hiện Staphylococcus aureus - HEX: chứng nội Huỳnh quang : TaqMan probe Thời gian PCR: Tối đa 1 giờ 30 phút Độ đặc hiệu: Kit chỉ phát hiện Staphylococcus aureus Thành phần bộ kit: Sta qPCR mix, chứng âm, chứng dương, chứng nội, tube PCR	50 test/ hộp	Hộp	2
74	Bộ kit realtime phát hiện đồng thời các tác nhân hô hấp	- Bộ kit real-time PCR phát hiện đồng thời các tác nhân: SAR-CoV-2 (N/S gene), SAR-CoV-2 (RdRP gene), A Influenza, B Influenza, Adenovirus, Metapneumovirus, PIV, RSV, HRV - Loại mẫu bệnh phẩm: Dịch ngoáy tỵ hầu, Dịch hút tỵ hầu, Dịch rửa phế quản	100 tests/hộp	Hộp	2
75		- Bộ kit real-time PCR phát hiện đồng thời các tác nhân: Bocavirus, Rhinovirus, CoV OC43, CoV NL63, CoV 229E - Loại mẫu bệnh phẩm: Dịch ngoáy tỵ hầu, Dịch hút tỵ hầu, Dịch rửa phế quản	100 test/ hộp	Hộp	2

STT	Tên hàng hóa	Nội dung	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
76	Găng tay không bột chưa tiệt trùng dùng trong y tế	Găng tay y tế không bột (Polymer 2 mặt) Chất liệu: cao su tự nhiên chất lượng cao Nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 13485:2016	50 đôi/hộp	Đôi	1000
77	Đầu tuýp 1000 µL có lọc, đã tiệt trùng.	Đầu tip có lọc 1000 µl. Đặc trưng: - Đầu tuýp có lọc, vô trùng; - Thể tích hút mẫu tối đa 1250µl - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	8x96 cái/hộp	Hộp	15
78	Đầu tuýp 200 µL có lọc, đã tiệt trùng	Đầu tip có lọc 200 µl: Đặc trưng: - Đầu tuýp có lọc, vô trùng; - Thể tích hút mẫu tối đa 200µl - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	10 x 96 cái/hộp	Hộp	15
III	Dịch vụ cung cấp vật tư hóa chất sinh phẩm phục vụ xét nghiệm khẳng định HIV				
79	Xét nghiệm in vitro phát hiện kháng thể kháng HIV-1/HIV-2 ở người	Phát hiện kháng thể kháng với HIV-1 và HIV-2 trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần. - Độ nhạy: ≥ 99,99%; Độ đặc hiệu: ≥99.75%. - Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút - Nằm trong Khuyến cáo phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia năm 2020 của Viện vệ sinh dịch tễ trung ương. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Hộp 100 test	Test	200
80	Khay thử nhanh phát hiện kháng thể kháng virus HIV	Phát hiện sự có mặt của các kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương. - Độ nhạy: 99.59%, Độ đặc hiệu: 99.87% - Nằm trong khuyến cáo xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia bổ sung 2020 của Viện vệ sinh dịch tễ trung ương. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016	Hộp 40 test	Test	200
81	Que thử/Khay thử xét nghiệm kháng thể kháng HIV	Phát hiện tất cả các type kháng thể (IgG, IgM, IgA) đặc hiệu với virus HIV-1 gồm type phụ O và HIV-2 bằng sự hình thành 3 vạch rõ ràng và phân biệt trong mẫu huyết thanh, huyết tương và máu toàn phần.	Hộp 100 test	Test	200

STT	Tên hàng hóa	Nội dung	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng
		-Nằm trong khuyến cáo xét nghiệm chẩn đoán HIV quốc gia bổ sung 2020 của Viện vệ sinh dịch tễ trung ương. - Độ nhạy: $\geq 99,9\%$; Độ đặc hiệu: $\geq 99,8\%$.			
82	Đầu tuýp 1000 μL có lọc, đã tiệt trùng	Đặc trưng: - 100% nhựa PP nguyên chất, độ trong suốt cao; - Không chứa Dnase & RNase, không gây sốt; - Đầu tuýp có lọc, vô trùng; - Thể tích hút mẫu tối đa 1000 μl - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp 96 chiếc	Hộp	10
83	Đầu tuýp 200 μL có lọc, đã tiệt trùng	'- 100% nhựa y tế nguyên chất, độ trong suốt cao; - Không chứa Dnase & RNase, không gây sốt; - Đầu tuýp có lọc, vô trùng; - Thể tích hút mẫu tối đa 200 μl - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp 96 chiếc	Hộp	10
84	Găng tay không bột chưa tiệt trùng dùng trong y tế	Găng tay được sản xuất từ cao su thiên nhiên, chưa tiệt trùng, chỉ sử dụng 1 lần và thuận cả 2 tay. Bề mặt nhẵn toàn bộ bên ngoài găng hoặc nhám ngón, chiều dài 220mm-240mm (theo size)	Hộp 50 đôi	Đôi	500
85	Đầu côn hút hóa chất	Dùng hút hóa chất dùng cho máy Etimax, dung tích 1100 μl Tiêu chuẩn chất lượng ISO: 13485:2016	Khay 96 chiếc	Khay	10
86	Đầu côn hút mẫu	Dùng hút bệnh phẩm dùng cho máy Etimax, hóa chất, dung tích 300 μl Tiêu chuẩn chất lượng ISO: 13485:2016	Khay 96 chiếc	Khay	10

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo công văn số: 812/TKSBT-TCGXDKH&LCNT ngày 06/05/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ninh)

Mẫu báo giá

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Tiêu chuẩn kỹ thuật do nhà thầu đề xuất đáp ứng yêu cầu	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Giá kê khai	Giá niêm yết	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Thiết bị A												
2	Thiết bị B												
n	...												

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

(1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 12.

(2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.

(3) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.

(5), (6) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.

(7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.

(8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.

(9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.

(10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.

(11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.

Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.

(12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.